SẢN PHẨM NHÓM 6

## KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN, LỚP 7

**A. KHUNG MA TRẬN**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 2 khi kết thúc nội dung chương X: Sinh sản ở sinh vật.*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:40*% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm*

- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)*

*Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com*

*https://www.vnteach.com*

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II – MÔN KHTN 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề1** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm**  **(%)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1. Từ (8 tiết )* |  | 1 |  | 2 |  |  |  |  |  | **3** | **0,75** |
| *2. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (30 tiết )* |  | 6 | 1(1,0đ) | 1 |  |  | 1(1,0đ) |  | **2** | **7** | **3,75** |
| *3. Cảm ứng ở sinh vật (6 tiết )* | 1 (1.0đ) | 1 |  | 1 |  |  |  |  | **1** | **2** | **1,5** |
| *4. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (7 tiết )* |  | 2 | 1(1,0đ) |  |  |  |  |  | **1** | **2** | **1,5** |
| *5. Sinh sản ở sinh vật*  *(10 tiết )* |  | 2 |  |  | 1(2,0 đ) |  |  |  | **1** | **2** | **2,5** |
| **Tổng câu** | 1 | 12 | 2 | 4 | 1 |  | 1 |  | **5** | **16** | **21** |
| **Tổng điểm** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **% điểm số** | **40%** | | **30%** | | **20%** | | **10%** | | **60%** | **40%** | **100%** |

**B. BẢN ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL | TN | TL | TN |
| **1. Từ (8 tiết )** | | |  |  |  |  |
| Nam châm  Từ trường  Chế tạo nam châm điện. | **Nhận biết** | - Xác định được cực Bắc và cực Nam của một thanh nam châm. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự tương tác giữa các từ cực của hai nam châm. |  | 1 |  | C1 |
| - Nêu được vùng không gian bao quanh một nam châm (hoặc dây dẫn mang dòng điện), mà vật liệu có tính chất từ đặt trong nó chịu tác dụng lực từ, được gọi là từ trường. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm từ phổ và tạo được từ phổ bằng mạt sắt và nam châm. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm đường sức từ. |  |  |  |  |
| - Nêu được cực Bắc địa từ và cực Bắc địa lí không trùng nhau. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Mô tả được hiện tượng chứng tỏ nam châm vĩnh cửu có từ tính. |  | 1 |  | C2 |
| - Mô tả đư­ợc cấu tạo và hoạt động của la bàn. |  | 1 |  | C3 |
| **Vận dụng** | - Tiến hành thí nghiệm để nêu được:  + Tác dụng của nam châm đến các vật liệu khác nhau;  + Sự định hướng của thanh nam châm (kim nam châm). |  |  |  |  |
| - Sử dụng la bàn để tìm được hướng địa lí. |  |  |  |  |
| - Vẽ được đường sức từ quanh một thanh nam châm. |  |  |  |  |
| - Chế tạo được nam châm điện đơn giản và làm thay đổi được từ trường của nó bằng thay đổi dòng điện. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | - Thiết kế và chế tạo được sản phẩm đơn giản ứng dụng nam châm điện (như xe thu gom đinh sắt, xe cần cẩu dùng nam châm điện, máy sưởi mini, …) |  |  |  |  |
| **2. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (30 tiết )** | | |  |  |  |  |
| – Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  + Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  – Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  + Chuyển hoá năng lượng ở tế bào.  • Quang hợp  • Hô hấp ở tế bào.  - Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  + Trao đổi khí.  + Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật. | **Nhận biết** | – Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |  | 1 |  | C4 |
| – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể. |  | 1 |  | C5 |
| – Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về trao đổi khí ở sinh vật |  | 1 |  | C6 |
| – Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; |  | 1  2 |  | C7  C8C9 |
| **Thông hiểu** | – Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng. |  | 1 |  | C10 |
| – Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải. | 1 |  | C17 |  |
| – Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá. |  |  |  |  |
| – Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng. |  |  |  |  |
| – Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụở người)– Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước. |  |  |  |  |
| – Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụở thực vật và động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụở người);  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thểở hai vòng tuần hoàn ở người. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | – Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...). |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá |  |  |  |  |
| – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ởđộng vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). | 1 |  | C18 |  |
| ***3.*  Cảm ứng ở sinh vật (6 tiết )** | | |  |  |  |  |
| - Khái niệm cảm ứng  - Cảm ứng ở thực vật  - Cảm ứng ở động vật  - Tập tính ở động vật: khái niệm, ví dụ minh hoạ  - Vai trò cảm ứng đối với sinh vật | **Nhận biết** | – Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật. |  |  |  |  |
| – Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật. |  | 1 |  | C11 |
| – Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật; |  |  |  |  |
| – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. | 1 |  | C19 |  |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). |  | 1 |  | C12 |
| **Vận dụng** | – Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật). |  |  |  |  |
| – Lấy được ví dụminh hoạ về tập tính ở động vật. |  |  |  |  |
| – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** | Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. |  |  |  |  |
| ***4.*  Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (7 tiết )** | | |  |  |  |  |
| Khái niệm sinh trưởng và phát triển  Cơ chế sinh trưởng ở thực vật và động vật  Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật  Các nhân tốảnh hưởng  Điều hoà sinh trưởng và các phương pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. |  | 1 |  | C13 |
| - Nêu được hai loại mô phân sinh ở thực vật. |  | 1 |  | C14 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển. |  |  |  |  |
| – Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên. |  |  |  |  |
| – Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó. |  |  |  |  |
| - Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng). |  |  |  |  |
| - Trình bày được một sốứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). | 1 |  | C20 |  |
| **Vận dụng** | - Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng. |  |  |  |  |
| – Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật. |  |  |  |  |
| – Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). |  |  |  |  |
| **5. Sinh sản ở sinh vật (10 tiết )** | | |  |  |  |  |
| - Khái niệm sinh sản ở sinh vật  - Sinh sản vô tính  - Sinh sản hữu tính  - Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật  - Điều hoà, điều khiển Sinh sản ở sinh vật  - Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất | **Nhận biết** | Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật |  |  |  |  |
| Nêu được các hình thức sinh sản ở sinh vật. |  | 1 |  | C15 |
| – Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật. |  |  |  |  |
| – Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật. |  | 1 |  | C16 |
| – Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số yếu tốảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật |  |  |  |  |
| – Nêu được một số yếu tốảnh hưởng đến điều hoà, điều khiển sinh sản ởsinh vật. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | – Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| – Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính. |  |  |  |  |
| – Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả. |  |  |  |  |
| – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô). |  |  |  |  |
| Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn. | 1 |  | C21 |  |
| Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. |  |  |  |  |
| **Vận dụng**  **cao** | Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). |  |  |  |  |
| Dựa vào sơ đồ mối quan hệ giữa tế bào với cơ thể và môi trường (tế bào – cơ thể – môi trường và sơ đồ quan hệ giữa các hoạt động sống: trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng – sinh trưởng, phát triển – cảm ứng – sinh sản) chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. |  |  |  |  |

**C. ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Khoa học tự nhiên 7**

*(Thời gian làm bài: 90 phút)*

**Phần I: Trắc nghiệm khách quan: (4 điểm)**

1. Có hiện tượng gì xảy ra khi đặt hai cực khác tên của hai nam châm lại gần nhau?

A. Hai cực khác tên thì hút nhau.

B. Hai cực khác tên thì đẩy nhau.

C. Hai cực khác tên thì vừa hút vừa đẩy.

D. Không có hiện tượng gì xảy ra.

**Câu 2.** Vị trí nào trên thanh nam châm thì mạt sắt bị hút mạnh nhất?

1. Ở phần giữa của thanh.
2. Chỉ ở đầu cực bắc của thanh nam châm.
3. Chỉ ở đầu cực nam của thanh nam châm.
4. Ở cả hai đầu cực bắc và cực nam trên thanh nam châm.

**Câu 3.** La bàn đặt ở đâu có khả năng định hướng tốt nhất?

1. Vùng cực
2. Vĩ độ Bắc
3. Xích đạo
4. Vĩ độ Nam

**Câu 4.** Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng là:

A.Trao đổi chất là mặt biểu hiện bên ngoài của chuyển hóa vật chất xảy ra ở bên trong tế bào.

B. Chuyển hóa vạt chất bao gồm hai quá trình đồng hóa và dị hóa xảy ra bên trong tế bào.

C. Trao đổi chất ở cấp tế bào giải phóng năng lượng cung cấp cho các cơ quan trong cơ thể.

D. Cả A và B.

**Câu 5.** Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng có ý nghĩa như thế nào với sinh vật?

A. Giúp cơ thể biến đổi các chất.

B. Duy trì sự sống của sinh vật.

C. Duy trì sự trao đổi năng lượng.

D.Giúp cơ thể thực hiện các hoạt động sống,tồn tại và phát triển.

**Câu 6.** Trao đổi khí ở sinh vật là quá trình

A. lấy khí O2 từ môi trường vào cơ thể và thải khí CO2 từ cơ thể ra môi trường.

B. lấy khí CO2 từ môi trường vào cơ thể và thải khí O2 từ cơ thể ra môi trường.

C. lấy khí CO2 từ môi trường vào cơ thể, đồng thời thải khí CO2 hoặc O2 từ cơ thể ra môi trường.

D. lấy khí O2 hoặc CO2 từ môi trường vào cơ thể, đồng thời thải khí CO2 hoặc O2 từ cơ thể ra môi trường.

**Câu 7.**Ở thực vật các chất hữu cơ được vận chuyển chủ yếu:

A. trong mạch rây,theo chiều từ rễ lên lá cây.

B. trong mạch gỗ,theo chiều từ lá xuống rễ.

C. trong mạch rây,theo chiều từ lá xuống rễ.

D. Trong cả mạch gỗ và mạch rây.

**Câu 8.** Các yếu tố chủ yếu ngoài môi trường ảnh hưởng đến quang hợp là

A. chất hữu cơ và chất khoáng.

B. nước và chất khoáng.

C.nước, chất hữu cơ và chất khoáng.

D. chất hữu cơ và nước.

**Câu 9.** Nhu cầu nước của cây thấp nhất trong điều kiện thời tiết nào dưới đây:

1. mùa hè, nhiệt độ cao, độẩm trung bình
2. mùa thu, nhiệt độ cao, độẩm trung bình
3. mùa đông, nhiệt độ thấp, độẩm thấp
4. mùa xuân, nhiệt độ trung bình, độ ẩm cao

**Câu 10.** Chất tham gia vào quá trình quang hợp là:

A. nước và khí carbon dioxide.

B. nước và khí oxygen

C. chất hữu cơ và khí oxygen.

D. chất hữu cơ và khí carbon dioxide.

**Câu 11.** Các tác nhân của môi trường tác động tới cơ thể sinh vật được gọi là

A. các nhận biết.

B. các kích thích.

C. các cảm ứng.

D. các phản ứng.

**Câu 12.** Thí nghiệm chứng minh tính hướng nước của cây:

1. Theo dõi sự nảy mầm của hạt thành cây có từ 3 tới 5 lá.

2. Đặt chậu nước có lỗ thủng nhỏ vào trong một chậu cây sao cho nước ngấm vào đất mà không gây ngập úng cây.

3. Gieo hạt đỗ vào hai chậu, tưới nước đủẩm.

4. Sau 3 đến 5 ngày (kể từ khi đặt chậu nước), nhẹ nhàng nhổ cây ra khỏi chậu và quan sát hướng mọc của rễ cây.

Thứ tự các bước thí nghiệm đúng là:

A. 1, 2, 3, 4.

B. 3, 1, 2, 4.

C. 4, 2, 3, 1.

D. 3, 2, 1, 4.

**Câu 13.** Sinh trưởng ở sinh vật là

A.sự tăng lên về kích thước và khối lượng cơ thể do sự tăng lên về sốlượng và kích thước tế bào.

B. sự tăng lên về khối lượng cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào.

C.sự tăng lên về kích thước cơ thể do sự tăng lên về số lượng và kích thước tế bào.

D. biến đổi diễn ra trong đời sống của cá thể.

**Câu 14.**Ởthực vật có hai loại mô phân sinh là

A. mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh bên.

B. mô phân sinh cành và mô phân sinh rễ.

C. mô phân sinh lá và mô phân sinh thân.

D. mô phân sinh ngọn và mô phân sinh rễ.

**Câu 15.** Có mấy hình thức sinh sản?

A. 1.

B. 2.

C. 3.

D. 4.

**Câu 16.** Sinh sản hữu tính ở sinh vật là quá trình:

A.tạo ra cơ thể mới từ sự kết hợp giữa cơ thể mẹ và cơ thể bố.

B. tạo ra cơ thể mới từ một phần của cơ thể mẹ hoặc bố.

C. hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái tạo thanh hợp tử, hợp tửphát triển tạo thành cơ thể mới.

D. tạo ra cơ thể mới từ cơ quan sinh dưỡng của cơ thể mẹ.

**Phần II: Tự luận: (6điểm)**

**Câu 17** (1,0 đ) Hãy hoàn thành sơ đồ quang hợp của cây xanh?

Ánh sáng

………(1)………….+……..(2)……. ………(3)………….+……..(4)…….

Diệp lục

**Câu 18.**(1,0 đ)(VDC).Khi nuôi cá cảnh trong bể kính, người ta thường thả vào bể một số cành rong và cây thủy sinh. Em hãy giải thích ý nghĩa của việc làm đó?

**Câu 19.**(1,0đ).Nêu vai trò của tập tính đối với động vật.

**Câu 20.**(1,0đ)(TH): Con người vận dụng hiểu biết về sinh trưởng, phát triển của động vật để tăng năng suất vật nuôi như thế nào? Cho ví dụ?

**Câu 21.**(2,0đ)(VD): Trình bày các ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn?

**D.HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Khoa học tự nhiên 7**

**Phần I: Trắc nghiệm khách quan: (4 điểm)**

(Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1A | 2D | 3C | 4A | 5C | 6D | 7C | 8B |
| 9B | 10A | 11B | 12B | 13A | 14A | 15B | 16C |

**Phần II: Tự luận: (6 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **Câu 17.**  **(1,0 đ)** | 1.Nước  2. Cacbonic  3.Tinh bột  4.Khí oxi | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 18.**  **(1,0 đ)** | Khi nuôi cá cảnh trong bể kính, người ta thường thả vào bể một số cành rong và cây thủy sinh vì: Trong quá trình quang hợp cây rong và cây thủy sinh đã nhả khí oxygen hoà tan vào nước của bể → Nước trong bể cá giàu khí oxygen hơn → Tạo điều kiện cho cá cảnh hô hấp. | 1 |
| **Câu 19.**  **(1,0đ)** | Vai trò của tập tính đối với động vật:  - Hình thành tập tính tốt cho vật nuôi: ăn, ngủ đúng giờ, đi vệ sinh đúng chỗ, nghe hiệu lệnh đến ăn  - Giúp ứng dụng vào các công việc trong sản xuất của con người như: đánh bắt, huấn luyện động vật | 0,5  0,5 |
| **Câu 20.**  **(1,0 đ)** | +Điều hòa sinh trưởng và phát triển ở vật nuôi bằng cách sử dụng các loại vitamin, khoáng chất kích thích sự trao đổi chất, thúc đẩy sinh trưởng, phát triển của vật nuôi.   + Điều khiển yếu tố môi trường (nhiệt độ, ánh sáng,…) để làm thay đổi tốc độ sinh trưởng và phát triển của vật nuôi.   + Dựa vào hiểu biết về chu kì sinh trưởng và phát triển của các loài sâu để tìm ra biện pháp tiêu diệt sâu bọ gây hại cây trồng.  - Ví dụ:  + Bổ sung thức ăn tăng trọng hợp lí cho vật nuôi để vật nuôi có được trọng lượng tối đa và rút ngắn thời gian sinh trưởng.  + Thực hiện các biện pháp giữ ấm chuồng trại cho trâu bò vào mùa đông để đảm bảo sự sinh trưởng và phát triển của trâu bò.   + Điều hoà ánh sáng bằng cách bật bóng đèn điện cho gà để tăng năng suất gà đẻ trứng hoặc cho gà nghe nhạc để tăng năng suất gà đẻ trứng.  + Dựa vào vòng đời của rầy nâu hại lúa, con người đã dự đoán được ngày rầy nâu đẻ trứng để đưa ra thời điểm phun thuốc phòng trừ rầy nâu hiệu quả và triệt để. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 21. (2,0 đ)** | Một số ứng dụng sinh sản hữu tính trong thưc tiễn :  Thực vật: Lai tạo và chọn lọc những giống lúa ( DT17, DT24, DT25,…), ngô cho năng suất cao  Động vật: Lai tạo và chọn lọc tạo những giống bò cho sữa với chất lượng tốt, lợn cho tỉ lệ nạc cao (lai lợn thuần chủng Đại Bạch và giống lợn Ỉ Việt Nam tạo ra giổng Ỉ - Đại Bạch lớn nhanh, trọng lượng xuất chuồng lớn, tỉ lệ nạc cao, đem lại hiệu quả kinh tế | 1,0  1,0 |